

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 51/2024/DS-ST
Ngày 25-3-2024
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng

Ông Trần Văn Giang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 484/2023/TLST-DS ngày 30/10/2023 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Việt S, sinh năm: 1977 (có mặt).

Địa chỉ: K 1, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Phan Minh N, sinh năm 1976

Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa nguyên đơn ông Nguyễn Việt S trình bày:

Ngày 08 tháng 3 năm 2022 ông Nguyễn Việt S có bán cho ông Phan Minh N 01 lo kéo nợ số tiền 12.000.000 đồng. Ông Phan Minh N có ký biên nhận nợ, theo thỏa thuận đến ngày 08 tháng 4 năm 2022 sẽ trả tiền. Khi đến hạn trả tiền ông Phan Minh N có trả số tiền 4.000.000 đồng, số tiền còn lại 8.000.000 đồng ông S nhiều lần yêu cầu ông N trả tiền nhưng cứ hẹn mà không trả tiền. Tại phiên Tòa nguyên đơn ông Nguyễn Việt S xác định ông Phan Minh N và bà Nguyễn Hồng N là vợ chồng, ông N mua lo kéo về sử dụng chung trong gia đình

nên nguyên đơn ông Nguyễn Việt S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Minh N, bà Nguyễn Hồng N trả cho ông S số tiền 8.000.000 đồng và tiền lãi tính đến thời điểm xét xử số tiền 1.570.000 đồng, tổng vốn, lãi số tiền 9.570.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Phan Minh N và bà Nguyễn Hồng N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phan Minh N và bà Nguyễn Hồng N có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn ông Nguyễn Việt S khởi kiện ông Phan Minh N và bà Nguyễn Hồng N về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với ông Phan Minh N và bà Nguyễn Hồng N nhưng ông N, bà N vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà N là phù hợp với quy định.

[2] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Việt S khởi kiện bị đơn ông Phan Minh N và bà Nguyễn Hồng N về việc bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền mua 01 lo kéo còn nợ số tiền 9.570.000 đồng. Xét tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

[3] Xét về nội dung tranh chấp: Ngày 08 tháng 3 năm 2022 ông Nguyễn Việt S có bán cho ông Phan Minh N 01 lo kéo nợ số tiền 12.000.000 đồng. Ông Phan Minh N có ký biên nhận nợ, theo thỏa thuận đến ngày 08 tháng 4 năm 2022 sẽ trả tiền. Khi đến hạn trả tiền ông Phan Minh N có trả số tiền 4.000.000 đồng, số tiền còn lại 8.000.000 đồng ông S nhiều lần yêu cầu ông N trả tiền nhưng cứ hẹn mà không trả tiền. Tại phiên Tòa nguyên đơn ông Nguyễn Việt S xác định ông Phan Minh N và bà Nguyễn Hồng N là vợ chồng, ông N mua lo kéo về sử dụng chung trong gia đình nên nguyên đơn ông Nguyễn Việt S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Minh N, bà Nguyễn Hồng N trả cho ông S số tiền 8.000.000 đồng và tiền lãi tính đến thời điểm xét xử số tiền 1.570.000 đồng, tổng vốn, lãi số tiền 9.570.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, “Biên nhận nợ ngày 08 tháng 3 năm 2022” nguyên đơn cung cấp cho Tòa án có ký tên và ghi tên Phan Minh N nhưng không có người chứng kiến và không có người xác nhận nên chưa đủ cơ sở để xác định là chữ ký của ông N. Tuy nhiên sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Phan Minh N, bà Nguyễn Hồng N nhưng ông N, bà N vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì. Như vậy bị đơn ông Phan Minh N, bà Nguyễn Hồng N đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn ông S số

tiền 9.570.000 đồng nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần buộc bị đơn ông Phan Minh N, bà Nguyễn Hồng N trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Việt S số tiền 9.570.000 đồng là phù hợp.

[4] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn ông Phan Minh N, bà Nguyễn Hồng N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Việt S. Buộc bị đơn ông Phan Minh N, bà Nguyễn Hồng N trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Việt S số tiền 9.570.000 đồng (Chín triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Phan Minh N, bà Nguyễn Hồng N phải chịu 478.750 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0019260 ngày 30 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được được hoàn lại.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh C;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Luân

